

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC CHÍNH QUY ĐỢT 1 LẦN 2 - NĂM 2026

TT	Đơn vị	Số Quyết định	Ngày ký	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Tên ngành	Tên chuyên ngành
1	DA	1484/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2105028	Nguyễn Hồ Thanh Ngọc	19/11/2003	N	Công nghệ sau thu hoạch	
2	DA	1484/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2010573	Lưu Kỳ Nguyên	29/03/2002		Công nghệ sinh học	
3	DA	1484/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2202296	Lý Diệu Tân	05/09/2004		Công nghệ sinh học	
4	DA	1484/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2102009	Nguyễn Ngọc Yến Vy	31/07/2003	N	Công nghệ sinh học (chương trình tiên tiến)	
5	DA	1484/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2109234	Lý Chí Hào	10/03/2003		Công nghệ sinh học (chương trình tiên tiến)	
6	DA	1484/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2000774	Trần Kim Thanh	12/12/2001	N	Công nghệ thực phẩm	
7	DA	1484/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2107419	Lê Ngọc Xuân Nhi	10/11/2003	N	Công nghệ thực phẩm	
8	DA	1484/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2107420	Trần Mẫn Nhi	29/09/2003	N	Công nghệ thực phẩm	
9	DA	1484/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2100766	Phạm Hồ Phụng Anh	20/02/2003	N	Công nghệ thực phẩm (chương trình chất lượng cao)	
10	DA	1484/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2100770	Kim Lâm Nhật Đan	20/06/2003		Công nghệ thực phẩm (chương trình chất lượng cao)	
11	DA	1484/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2107433	Dương Nhã Vy	13/01/2003	N	Công nghệ thực phẩm (chương trình chất lượng cao)	
12	DA	1484/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2107497	Nguyễn Ngọc Ngân	17/01/2003	N	Công nghệ thực phẩm (chương trình chất lượng cao)	
13	DA	1484/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2107513	Hoàng Thị Tuyết Sương	11/06/2003	N	Công nghệ thực phẩm (chương trình chất lượng cao)	
14	DA	1484/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2107517	Mai Thanh Thoại	04/03/2003		Công nghệ thực phẩm (chương trình chất lượng cao)	
15	DA	1484/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2107533	Nguyễn Trường Vinh	22/09/2003		Công nghệ thực phẩm (chương trình chất lượng cao)	
16	DA	1484/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2107537	Nguyễn Hoàng Như Ý	29/11/2003	N	Công nghệ thực phẩm (chương trình chất lượng cao)	
17	DA	1484/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2109697	Trương Nguyễn Gia Nghi	19/01/2003	N	Công nghệ thực phẩm (chương trình chất lượng cao)	
18	DI	1485/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2203727	Trương Quang Long	27/08/2004		An toàn thông tin	
19	DI	1485/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B1706799	Phạm Tấn Đạt	24/12/1999		Công nghệ thông tin	Tin học ứng dụng
20	DI	1485/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2111829	Nguyễn Hoàng Vệ	19/03/2003		Công nghệ thông tin	Tin học ứng dụng
21	DI	1485/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B1606954	Võ Thành Vũ	28/01/1998		Công nghệ thông tin	
22	DI	1485/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B1910154	Dương Thị Cẩm Tiên	12/01/2001	N	Công nghệ thông tin	
23	DI	1485/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2014740	Nguyễn Nhật Hào	01/09/2002		Công nghệ thông tin	
24	DI	1485/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2014804	Trương Minh Tú	30/11/2002		Công nghệ thông tin	
25	DI	1485/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2014859	Nguyễn Vũ Nguyên	20/11/2002		Công nghệ thông tin	
26	DI	1485/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2105551	Nguyễn Văn Mẫn	11/03/2003		Công nghệ thông tin	
27	DI	1485/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2105559	Huỳnh Tú Tài	21/09/2003		Công nghệ thông tin	
28	DI	1485/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2105563	Ngô Thị Cẩm Tiên	22/03/2003	N	Công nghệ thông tin	
29	DI	1485/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2105566	Châu Ngọc Khả Vi	25/09/2003	N	Công nghệ thông tin	
30	DI	1485/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2105644	Đặng Minh Thư	11/10/2003	N	Công nghệ thông tin	
31	DI	1485/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2105650	Trần Trọng Trí	05/10/2003		Công nghệ thông tin	
32	DI	1485/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2111813	Trần Hoàng Nhân	26/04/2003		Công nghệ thông tin	

TT	Đơn vị	Số Quyết định	Ngày ký	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Tên ngành	Tên chuyên ngành
33	DI	1485/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2111833	Võ Đức Duy	11/02/2003		Công nghệ thông tin	
34	DI	1485/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2111847	Nguyễn Minh Khải	26/10/2003		Công nghệ thông tin	
35	DI	1485/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2111883	Phạm Hoàng Hải	26/12/2003		Công nghệ thông tin	
36	DI	1485/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2205893	Nguyễn Hứa Đại Nam	15/08/2004		Công nghệ thông tin	
37	DI	1485/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	C2200002	Trần Huy Bình	25/03/2001		Công nghệ thông tin	
38	DI	1485/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2105709	Khúc Bảo Minh	17/09/2003		Công nghệ thông tin (chương trình chất lượng cao)	
39	DI	1485/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2110011	Nguyễn Nhật Hào	15/12/2003		Công nghệ thông tin (chương trình chất lượng cao)	
40	DI	1485/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2111938	Nguyễn Huỳnh Ngọc Ngân	24/09/2003	N	Công nghệ thông tin (chương trình chất lượng cao)	
41	DI	1485/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2111942	Ung Khánh Như	08/10/2003	N	Công nghệ thông tin (chương trình chất lượng cao)	
42	DI	1485/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2111946	Trần Minh Quang	17/05/2003		Công nghệ thông tin (chương trình chất lượng cao)	
43	DI	1485/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2112000	Nguyễn Duy Diễm Phụng	02/02/2003	N	Công nghệ thông tin (chương trình chất lượng cao)	
44	DI	1485/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2011970	Trần Vĩnh Kha	09/10/2002		Hệ thống thông tin	
45	DI	1485/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B1709622	Trần Thanh Sơn	25/11/1999		Khoa học máy tính	
46	DI	1485/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B1913349	Đỗ Quốc Trường	11/06/2001		Khoa học máy tính	
47	DI	1485/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2007200	Tôn Long Nhanh	29/06/2002		Khoa học máy tính	
48	DI	1485/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2017002	Trần Phúc Tấn	29/06/2002		Khoa học máy tính	
49	DI	1485/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2106786	Võ Thành Đạt	24/11/2002		Khoa học máy tính	
50	DI	1485/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2106797	Nguyễn Thị Mai Lan	19/08/2003	N	Khoa học máy tính	
51	DI	1485/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2106801	Lê Thị Ngọc Ngân	24/10/2003	N	Khoa học máy tính	
52	DI	1485/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2106822	Bùi Thanh Tú	26/07/2003		Khoa học máy tính	
53	DI	1485/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2106841	Nguyễn Sơn Lộc	15/06/2003		Khoa học máy tính	
54	DI	1485/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2106855	Lư Hoàng Tấn	29/10/2003		Khoa học máy tính	
55	DI	1485/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2106861	Tạ Minh Triết	18/12/2003		Khoa học máy tính	
56	DI	1485/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2113309	Lã Thái Hòa	13/06/2003		Khoa học máy tính	
57	DI	1485/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2113311	Hồ Nguyễn Tiến Hưng	29/12/2003		Khoa học máy tính	
58	DI	1485/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2113341	Phan Minh Tài	20/09/2003		Khoa học máy tính	
59	DI	1485/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2113343	Phạm Như Thịnh	26/02/2003		Khoa học máy tính	
60	DI	1485/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2113346	Lê Nguyễn Thái Tuấn	29/01/2003		Khoa học máy tính	
61	DI	1485/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B1906632	Nguyễn Tuấn Cảnh	01/01/2001		Kỹ thuật phần mềm	
62	DI	1485/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2012205	Võ Anh Hiền	15/09/2002		Kỹ thuật phần mềm	
63	DI	1485/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2012279	Lê Nguyễn Kim Tuyền	04/08/2002	N	Kỹ thuật phần mềm	
64	DI	1485/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2103514	Nguyễn Thanh Phương	17/01/2003		Kỹ thuật phần mềm	
65	DI	1485/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2103539	Nguyễn Võ Tấn Đạt	22/08/2003		Kỹ thuật phần mềm	
66	DI	1485/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2110088	Trương Chí Nguyên	11/01/2003		Kỹ thuật phần mềm	
67	DI	1485/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2110118	Nguyễn Hữu Đạt	07/10/2003		Kỹ thuật phần mềm	

TT	Đơn vị	Số Quyết định	Ngày ký	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Tên ngành	Tên chuyên ngành
68	DI	1485/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2110123	Trần Hoàng Huy	11/12/2002		Kỹ thuật phần mềm	
69	DI	1485/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2110152	Quách Minh Trí	13/06/2003		Kỹ thuật phần mềm	
70	DI	1485/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	C2200018	Nguyễn Thiên Ân	14/06/2001		Kỹ thuật phần mềm	
71	DI	1485/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B1701417	Phan Lê Anh Giàu	10/10/1999		Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu
72	DI	1485/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2104770	Huỳnh Như Huệ	06/03/2003	N	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	
73	DI	1485/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2104771	Nguyễn Thị Diễm Hương	05/02/2003	N	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	
74	DI	1485/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2110943	Cao Mai Diệu Linh	27/12/2003	N	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	
75	DI	1485/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2110953	Dương Thị Kiều Trâm	06/04/2003	N	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	
76	FL	1486/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2111396	Danh Vĩnh Tiến	26/02/2003		Ngôn ngữ Anh	
77	FL	1486/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2111520	Lâm Mỹ Ngoan	15/07/2003	N	Ngôn ngữ Anh (chương trình chất lượng cao)	
78	FL	1486/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2111537	Trần Minh Thư	29/12/2003	N	Ngôn ngữ Anh (chương trình chất lượng cao)	
79	FL	1486/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2111543	Hà Thảo Vy	02/03/2003	N	Ngôn ngữ Anh (chương trình chất lượng cao)	
80	FL	1486/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2205590	Trần Ngọc Tiên	23/09/2004	N	Ngôn ngữ Anh (chương trình chất lượng cao)	
81	FL	1486/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2205596	Thạch Như Ý	07/03/2004	N	Ngôn ngữ Anh (chương trình chất lượng cao)	
82	FL	1486/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2205612	Nguyễn Bảo Nhi	14/01/2004	N	Ngôn ngữ Anh (chương trình chất lượng cao)	
83	HG	1487/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2205252	Nguyễn Thị Linh Nhi	01/10/2004	N	Kinh doanh nông nghiệp	
84	KH	1488/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2204360	Trần Thiện Phước	29/10/2004		Hóa dược	
85	KH	1488/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2102474	Trần Thị Phương Diễm	16/03/2003	N	Hóa học	
86	KH	1488/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2203753	Nguyễn Ngọc Diễm	30/04/2004	N	Thống kê	
87	KH	1488/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2203759	Nguyễn Trung Hòa	26/05/2004		Thống kê	
88	KH	1488/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2203764	Nguyễn Thị Mỹ Ly	05/05/2004	N	Thống kê	
89	KH	1488/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2203765	Nguyễn Ngọc Mai	30/04/2004	N	Thống kê	
90	KH	1488/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2203819	An Mỹ Ngân	25/11/2003	N	Thống kê	
91	KH	1488/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2103251	Phùng Quốc Nam	07/01/2003		Toán ứng dụng	
92	KH	1488/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2203240	Hà Thị Hoài Thương	14/03/2004	N	Toán ứng dụng	
93	KH	1488/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2203262	Nguyễn Duy Linh	22/06/2004	N	Toán ứng dụng	
94	KH	1488/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2203271	Trần Hải Nhi	14/04/2004	N	Toán ứng dụng	
95	KT	1489/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2200796	Trịnh Hoàng Phúc	15/03/2004		Kế toán	
96	KT	1489/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2200823	Nguyễn Tường Vi	14/09/2003	N	Kế toán	
97	KT	1489/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2111623	Danh Thị Kiều Phương	07/04/2003	N	Kiểm toán	
98	KT	1489/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2205679	Ngô Hồng Thắm	01/09/2004	N	Kiểm toán	
99	KT	1489/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B1911588	Nguyễn Huỳnh Khâ Thu	27/10/2001	N	Kinh doanh quốc tế	
100	KT	1489/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2206480	Phan Huỳnh Mỹ Anh	03/09/2003	N	Kinh doanh quốc tế	
101	KT	1489/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2206488	Trương Thanh Hải	10/06/2004		Kinh doanh quốc tế	
102	KT	1489/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2206493	Dương Anh Kiệt	05/03/2004		Kinh doanh quốc tế	

TT	Đơn vị	Số Quyết định	Ngày ký	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Tên ngành	Tên chuyên ngành
103	KT	1489/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B1710134	Nguyễn Ngọc Diệu Huyền	21/11/1998	N	Kinh doanh quốc tế (chương trình chất lượng cao)	
104	KT	1489/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B1911714	Huỳnh Minh Quân	18/04/2001		Kinh doanh quốc tế (chương trình chất lượng cao)	
105	KT	1489/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2112390	Huỳnh Lâm Ngọc Nhi	31/12/2003	N	Kinh doanh quốc tế (chương trình chất lượng cao)	
106	KT	1489/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2112403	Trương Anh Thư	10/07/2003	N	Kinh doanh quốc tế (chương trình chất lượng cao)	
107	KT	1489/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2112414	Trần Thị Hải Yến	30/10/2003	N	Kinh doanh quốc tế (chương trình chất lượng cao)	
108	KT	1489/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2112417	Cao Hoàng Anh	15/01/2003	N	Kinh doanh quốc tế (chương trình chất lượng cao)	
109	KT	1489/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2112454	Trần Như Quỳnh	19/09/2003	N	Kinh doanh quốc tế (chương trình chất lượng cao)	
110	KT	1489/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2105891	Võ Hữu Hào	26/08/2003		Kinh doanh thương mại	
111	KT	1489/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2112316	Lê Thị Hồng Yến	13/09/2003	N	Kinh doanh thương mại	
112	KT	1489/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2206362	Lê Thị Mỹ Huệ	14/06/2003	N	Kinh doanh thương mại	
113	KT	1489/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2015148	Lê Thị Bích Hợp	15/02/2002	N	Kinh tế	
114	KT	1489/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2206145	Đặng Đồng Lực	02/07/2004		Kinh tế	
115	KT	1489/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2206194	Đỗ Ngọc Thảo Nguyên	29/07/2004	N	Kinh tế	
116	KT	1489/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2101454	Dương Thúy Lan	06/12/2003	N	Kinh tế nông nghiệp	
117	KT	1489/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2201239	Trần Văn Kha	18/10/2004		Kinh tế nông nghiệp	
118	KT	1489/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2201284	Châu Lan Vy	18/02/2004	N	Kinh tế nông nghiệp	
119	KT	1489/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2201286	Huỳnh Kim Yến	05/01/2004	N	Kinh tế nông nghiệp	
120	KT	1489/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2201333	Phan Tôn Diễm Quỳnh	06/06/2004	N	Kinh tế nông nghiệp	
121	KT	1489/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2201347	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	12/10/2004	N	Kinh tế nông nghiệp	
122	KT	1489/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2201362	Võ Thị Thùy Dương	28/02/2004	N	Kinh tế nông nghiệp	
123	KT	1489/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2201375	Đỗ Đức Minh	24/12/2004		Kinh tế nông nghiệp	
124	KT	1489/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2201392	Nguyễn Bích Thủy	13/01/2004	N	Kinh tế nông nghiệp	
125	KT	1489/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2201394	Phùng Ngọc Bảo Trâm	01/05/2004	N	Kinh tế nông nghiệp	
126	KT	1489/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2201402	Nguyễn Thị Như Ý	20/03/2004	N	Kinh tế nông nghiệp	
127	KT	1489/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B1906167	Phan Tường Vy	23/01/2001	N	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên	
128	KT	1489/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2011831	Trương Mỹ Duyên	07/02/2002	N	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên	
129	KT	1489/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2011907	Phạm Lộc Nguyên	11/07/2001		Kinh tế tài nguyên thiên nhiên	
130	KT	1489/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2109886	Đỗ Ngọc Hải	16/12/2003		Kinh tế tài nguyên thiên nhiên	
131	KT	1489/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2203322	Lê Anh Thư	13/01/2004	N	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên	
132	KT	1489/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2201934	Nguyễn Thanh Hiệp	30/01/2004		Marketing	
133	KT	1489/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2201958	Nguyễn Thị Ngọc Nghi	14/03/2003	N	Marketing	
134	KT	1489/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2201964	Đình Trọng Nhân	14/08/2004		Marketing	
135	KT	1489/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2206272	Huỳnh Thị Hồng Ngọc	05/11/2004	N	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	
136	KT	1489/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2101353	Hứa Xum Hy	26/08/2003		Quản trị kinh doanh	
137	KT	1489/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2200987	Hà Phương Anh	13/10/2003	N	Quản trị kinh doanh	

TT	Đơn vị	Số Quyết định	Ngày ký	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Tên ngành	Tên chuyên ngành
138	KT	1489/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2200999	Bùi Lê Anh Khoa	18/08/2003		Quản trị kinh doanh	
139	KT	1489/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2201022	Trần Diễm Thùy	17/02/2004	N	Quản trị kinh doanh	
140	KT	1489/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2201030	Đặng Mỹ Tuyên	24/08/2004	N	Quản trị kinh doanh	
141	KT	1489/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2201087	Trần Nguyễn Huỳnh Anh	16/04/2004	N	Quản trị kinh doanh	
142	KT	1489/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2201101	Trần Thiên Kim	17/10/2004	N	Quản trị kinh doanh	
143	KT	1489/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2201110	Võ Thị Ngọc Nhiều	04/04/2004	N	Quản trị kinh doanh	
144	KT	1489/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2201113	Huỳnh Tố Quyên	15/09/2004	N	Quản trị kinh doanh	
145	KT	1489/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	C2300052	Thái Tú Anh	24/11/2001	N	Quản trị kinh doanh	
146	KT	1489/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2200847	Lê Minh Hoàng	15/05/2004		Tài chính - Ngân hàng	
147	KT	1489/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2200879	Nguyễn Vi Phú Thiện	17/09/2004		Tài chính - Ngân hàng	
148	KT	1489/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2009014	Lê Thị Minh Trang	24/12/2002	N	Tài chính - Ngân hàng (chương trình chất lượng cao)	
149	KT	1489/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2101285	Trần Ngọc Mỹ Lan	11/07/2003	N	Tài chính - Ngân hàng (chương trình chất lượng cao)	
150	KT	1489/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2108184	Dương Thị Kiều Duyên	15/08/2003	N	Tài chính - Ngân hàng (chương trình chất lượng cao)	
151	LK	1490/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2009677	Quách Quốc Danh	26/02/2002		Luật	Luật hành chính
152	LK	1490/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2108696	Trịnh Lê Văn Lam	10/05/2003	N	Luật	Luật hành chính
153	LK	1490/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2108703	Lương Tú Nga	28/05/2003	N	Luật	Luật hành chính
154	LK	1490/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2108755	Mai Văn Hiền	11/10/2003		Luật	Luật hành chính
155	LK	1490/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2201795	Trần Nhật Thúy Nga	01/07/2004	N	Luật	Luật hành chính
156	LK	1490/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2009661	Trịnh Minh Trí	15/02/2002		Luật	Luật thương mại
157	LK	1490/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2108645	Vũ Nguyễn Nam Phương	03/10/2003	N	Luật	Luật thương mại
158	LK	1490/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2108704	Nguyễn Thị Thùy Ngân	26/09/2003	N	Luật	Luật thương mại
159	LK	1490/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2201656	Nguyễn Thị Cẩm Ly	18/06/2004	N	Luật	Luật tư pháp
160	MT	1491/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2010049	Cao Triệu Vỹ	01/01/2002		Khoa học môi trường	
161	MT	1491/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2101969	Lê Anh Khoa	09/10/2003		Kỹ thuật môi trường	
162	MT	1491/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2109103	Khuru Tấn Tài	30/03/2003		Kỹ thuật môi trường	
163	MT	1491/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B1802269	Võ Chí Mạnh	26/12/2000		Quản lý đất đai	
164	MT	1491/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2009513	Cao Phượng Tường	16/08/2002	N	Quản lý đất đai	
165	MT	1491/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2016553	Hà Ngọc Bích	23/01/2002	N	Quản lý tài nguyên và môi trường	
166	MT	1491/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2016572	Phạm Thanh Lan	24/07/2002	N	Quản lý tài nguyên và môi trường	
167	NN	1492/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2003068	Huỳnh Thanh Huy	07/12/2002		Bảo vệ thực vật	
168	NN	1492/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2202771	Bùi Văn Hiếu	05/06/2004		Bảo vệ thực vật	
169	NN	1492/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2003962	Nguyễn Hữu Nhân	11/01/2001		Chăn nuôi	
170	NN	1492/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2204016	Trần Lê Bảo Anh	05/11/2004		Chăn nuôi	
171	NN	1492/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2204052	Cao Nhã Trân	04/02/2004	N	Chăn nuôi	
172	NN	1492/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B1811786	Bùi Minh Tuấn	12/12/2000		Khoa học cây trồng	Công nghệ giống cây trồng

TT	Đơn vị	Số Quyết định	Ngày ký	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Tên ngành	Tên chuyên ngành
173	NN	1492/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2113113	Nguyễn Hoàng Nam	12/11/2003		Khoa học cây trồng	Nông nghiệp công nghệ cao
174	NN	1492/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2106380	Phạm Thanh Bình	19/02/2003		Khoa học cây trồng	
175	NN	1492/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2106460	Nguyễn Tấn Đạt	21/11/2003		Khoa học cây trồng	
176	NN	1492/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2113102	Huỳnh Thị Thúy Hà	11/06/2003	N	Khoa học cây trồng	
177	NN	1492/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2102595	Đình Gia Hưng	06/04/2003		Khoa học đất	Quản lý đất và công nghệ phân bón
178	NN	1492/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2109466	Nguyễn Phan Bảo Chân	31/07/2003		Khoa học đất	Quản lý đất và công nghệ phân bón
179	NN	1492/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2101137	Phan Văn Đầy	04/02/2003		Nông học	
180	NN	1492/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B1809781	Trần Thảo Linh	08/12/2000	N	Sinh học ứng dụng	
181	NN	1492/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2105754	Nguyễn Thị Trúc Mai	13/12/2003	N	Sinh học ứng dụng	
182	NN	1492/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2105759	Lê Thị Thu Nga	05/11/2003	N	Sinh học ứng dụng	
183	NN	1492/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2112029	Nguyễn Ngọc Chăm	09/08/2003	N	Sinh học ứng dụng	
184	NN	1492/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2112046	Lý Quang Linh	07/02/2003		Sinh học ứng dụng	
185	NN	1492/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2112061	Nguyễn Trần Thiên Nhi	12/03/2003	N	Sinh học ứng dụng	
186	NN	1492/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2010930	Nguyễn Quốc Tiến	21/05/2002		Thú y	
187	NN	1492/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2100085	Nguyễn Thị Kiêm Hoàng	24/07/2002	N	Thú y	
188	SP	1493/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2106994	Nguyễn Văn Tiến	12/04/1997		Giáo dục Thể chất	
189	SP	1493/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2008695	Trần Duy Khánh	27/03/2002		Sư phạm Lịch sử	
190	SP	1493/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2013907	Lê Tấn Đạt	25/01/2002		Sư phạm Tin học	
191	SP	1493/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2107249	Lâm Dương Khang	26/11/2003		Sư phạm Toán học	
192	TN	1494/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B1909835	Lê Bảo Thiện	26/11/2001		Công nghệ kỹ thuật hóa học	
193	TN	1494/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2005582	Phạm Đăng Hồng Liên	19/10/2002	N	Công nghệ kỹ thuật hóa học	
194	TN	1494/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2111649	Nguyễn Vĩ Hào	24/12/2003		Công nghệ kỹ thuật hóa học	
195	TN	1494/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2111688	Trương Tường	19/03/2003		Công nghệ kỹ thuật hóa học	
196	TN	1494/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2111716	Lâm Hoàng Phát	11/09/2003		Công nghệ kỹ thuật hóa học	
197	TN	1494/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2113397	Lâm Hiếu Kiên	07/03/2003		Công nghệ kỹ thuật hóa học	
198	TN	1494/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2111746	Công Tường Duy	02/11/2003		Công nghệ kỹ thuật hóa học (chương trình chất lượng cao)	
199	TN	1494/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2111754	Đặng Nguyễn Nhật Huy	10/08/2003		Công nghệ kỹ thuật hóa học (chương trình chất lượng cao)	
200	TN	1494/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2111756	Huỳnh Phúc Bảo Khang	30/05/2003		Công nghệ kỹ thuật hóa học (chương trình chất lượng cao)	
201	TN	1494/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2111758	Lâm Hòa Lộc	13/02/2003		Công nghệ kỹ thuật hóa học (chương trình chất lượng cao)	
202	TN	1494/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2111771	Huỳnh Ngọc Như	22/11/2003	N	Công nghệ kỹ thuật hóa học (chương trình chất lượng cao)	
203	TN	1494/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B1907212	Lê Trung Vinh	16/09/2001		Kỹ thuật cơ điện tử	
204	TN	1494/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2012455	Phan Thanh Minh Nhựt	16/11/2002		Kỹ thuật cơ điện tử	
205	TN	1494/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2012457	Nguyễn Hữu Phước	08/11/2002		Kỹ thuật cơ điện tử	
206	TN	1494/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2012489	Đoàn Nhựt Duy	10/01/2002		Kỹ thuật cơ điện tử	
207	TN	1494/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2012495	Trần Thật Đúng	11/10/2002		Kỹ thuật cơ điện tử	

TT	Đơn vị	Số Quyết định	Ngày ký	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Tên ngành	Tên chuyên ngành
208	TN	1494/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2103957	Nguyễn Cao Hoài Bảo	16/12/2003		Kỹ thuật cơ điện tử	
209	TN	1494/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2110273	Lê Khải Hoàn	27/12/2003		Kỹ thuật cơ điện tử	
210	TN	1494/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2110291	Đoàn Bá Thiên Tứ	27/10/2003		Kỹ thuật cơ điện tử	
211	TN	1494/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B1907620	Trần Gia Lâm	06/08/2001		Kỹ thuật điện	
212	TN	1494/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B1907686	Nguyễn Hữu Tình	24/10/2001		Kỹ thuật điện	
213	TN	1494/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2000111	Thái Hồng Châu	01/06/2001		Kỹ thuật điện	
214	TN	1494/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2004374	Sơn Trường Nhân	23/08/2002		Kỹ thuật điện	
215	TN	1494/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2012848	Nguyễn Trọng Phúc	26/02/2002		Kỹ thuật điện	
216	TN	1494/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2110475	Đoàn Tấn Bạc	26/06/2003		Kỹ thuật điện	
217	TN	1494/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2110502	Huỳnh Xuân Thịnh	17/05/2003		Kỹ thuật điện	
218	TN	1494/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2012919	Phan Trọng Nghĩa	06/10/2002		Kỹ thuật điện (chương trình chất lượng cao)	
219	TN	1494/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2104407	Nguyễn Trần Thúy Vy	07/07/2003	N	Kỹ thuật điện (chương trình chất lượng cao)	
220	TN	1494/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2110564	Võ Hữu Đức	06/11/2003		Kỹ thuật điện (chương trình chất lượng cao)	
221	TN	1494/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2110565	Nguyễn Phạm Trang Hà	26/09/2003	N	Kỹ thuật điện (chương trình chất lượng cao)	
222	TN	1494/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2110569	Nguyễn Ngọc Hân	15/10/2003	N	Kỹ thuật điện (chương trình chất lượng cao)	
223	TN	1494/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2110599	Phan Đức Minh	15/05/2003		Kỹ thuật điện (chương trình chất lượng cao)	
224	TN	1494/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2110631	Nguyễn Trọng Trí	26/04/2003		Kỹ thuật điện (chương trình chất lượng cao)	
225	TN	1494/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2110634	Huỳnh Phước Vinh	17/07/2003		Kỹ thuật điện (chương trình chất lượng cao)	
226	TN	1494/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2104426	Huỳnh Quốc Khánh	01/02/2003		Kỹ thuật điện tử - viễn thông	
227	TN	1494/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2104515	Phạm Đức Thịnh	07/08/2003		Kỹ thuật điện tử - viễn thông	
228	TN	1494/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2107146	Phạm Nhật Giang	01/01/2003		Kỹ thuật điện tử - viễn thông	
229	TN	1494/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2110677	Thái Nhật Khương	15/11/2003		Kỹ thuật điện tử - viễn thông	
230	TN	1494/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B1912946	Trần Gia Mẫn	10/03/2001		Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
231	TN	1494/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2016784	Nguyễn Tường Khôi Nguyên	23/06/2002		Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
232	TN	1494/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2106566	Nguyễn Phú Đông	30/10/2003		Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
233	TN	1494/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2106599	Nguyễn Ngọc Minh Thuận	20/05/2003		Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
234	TN	1494/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2106607	Nguyễn Phúc Vinh	03/10/2003		Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
235	TN	1494/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2106628	Nguyễn Chế Phương Nam	19/01/2003		Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
236	TN	1494/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2106653	Trần Đức Trọng	05/01/2003		Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
237	TN	1494/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2113189	Nguyễn Lê Vỹ Khang	10/05/2003		Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	
238	TN	1494/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B1913128	Cao Minh Luân	02/03/2001		Kỹ thuật máy tính	
239	TN	1494/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2016899	Phạm Tấn Hoài	11/02/2002		Kỹ thuật máy tính	
240	TN	1494/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2106683	Bùi Phúc Lộc	03/04/2002		Kỹ thuật máy tính	
241	TN	1494/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2106725	Lê Thị Dương Diễm	28/08/2003	N	Kỹ thuật máy tính	
242	TN	1494/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2113270	Huỳnh Minh Tiến	26/02/2003		Kỹ thuật máy tính	

TT	Đơn vị	Số Quyết định	Ngày ký	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Tên ngành	Tên chuyên ngành
243	TN	1494/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2113285	Trương Hữu Lộc	24/11/2003		Kỹ thuật máy tính	
244	TN	1494/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B1812687	Nguyễn Huỳnh Anh	27/05/2000		Kỹ thuật vật liệu	
245	TN	1494/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2104266	Đoàn Chí Tình	13/11/2003		Kỹ thuật vật liệu	
246	TN	1494/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2110699	Lâm Gia Bảo	22/09/2003		Kỹ thuật xây dựng	
247	TN	1494/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2110720	Lý Tuấn Kiệt	03/11/2002		Kỹ thuật xây dựng	
248	TN	1494/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2013435	Thái Trần Thanh Trâm	19/10/2002	N	Kỹ thuật xây dựng (chương trình chất lượng cao)	
249	TN	1494/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2203896	Trần Văn Huỳnh	22/10/2004		Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	
250	TN	1494/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2203932	Trần Văn Hùng Cường	29/07/2004		Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	
251	TN	1494/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B1905850	Trần Huỳnh Anh Thư	22/12/2001	N	Quản lý công nghiệp	
252	TN	1494/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2003504	Nguyễn Văn Dương	01/10/2002		Quản lý công nghiệp	
253	TN	1494/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2109763	Nguyễn Văn Chuyển	31/07/2003		Quản lý công nghiệp	
254	TS	1495/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2001127	Mã Thành Đạt	08/09/2002		Nuôi trồng thủy sản	
255	TS	1495/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2107643	Nguyễn Quốc Khang	21/12/2003		Nuôi trồng thủy sản	
256	TS	1495/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2109825	Ngô Lê Quốc Toàn	18/12/2003		Nuôi trồng thủy sản (chương trình tiên tiến)	
257	XH	1496/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2112910	Ngô Thị Kiều Ngọc	05/08/2003	N	Giáo dục Công dân	
258	XH	1496/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2202932	Nguyễn Huỳnh Ngọc Ngân	31/08/2004	N	Thông tin - Thư viện	
259	XH	1496/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2202944	Nguyễn Thị Huỳnh Như	30/01/2004	N	Thông tin - Thư viện	
260	XH	1496/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2206603	Huỳnh Thị Kim Anh	15/06/2004	N	Văn học	
261	XH	1496/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2206638	Nguyễn Bảo Trân	01/11/2004	N	Văn học	
262	XH	1496/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2206669	Phạm Hoan Nhiệm	21/11/2004		Văn học	
263	XH	1496/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2015849	Trương Trần Duy Thịnh	02/08/2002		Việt Nam học	Hướng dẫn viên du lịch
264	XH	1496/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2112614	Thạch Hoàng Luân	06/11/2003		Việt Nam học	Hướng dẫn viên du lịch
265	XH	1496/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2206749	Nguyễn Ram Ly	02/01/2004		Việt Nam học	Hướng dẫn viên du lịch
266	XH	1496/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2205099	Nguyễn Thị Kiều Lan	24/06/2004	N	Xã hội học	
267	XH	1496/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2205103	Trà Huỳnh Nga	19/12/2004	N	Xã hội học	
268	XH	1496/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2205116	Huỳnh Thị Bé Thảo	30/05/2004	N	Xã hội học	
269	XH	1496/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2205122	Nguyễn Thị Kim Tinh	05/03/2004	N	Xã hội học	
270	XH	1496/QĐ-ĐHCT	08/04/2026	B2205125	Huỳnh Thị Tuyết Trinh	08/11/2004	N	Xã hội học	